



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 6288 5603

Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Nội dung và Cấu trúc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), tên giao dịch quốc tế là THANG LONG MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động tại địa chỉ đăng ký và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/1/2004. Giấy phép kinh doanh số 31/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

02 - 04

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

06 - 08

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

09

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

10

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GIỮA NIÊN ĐỘ

11

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

12 - 23

| | | | | | |
|---|---|---|-------------------|-----------|------|
| 1 | Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thăng Long | 11/12, Tầng 11, Tòa nhà Vigelandia, Mỏ Trôi Hà Nội. | Cổ phần phổ thông | 2.100.000 | 70% |
| 2 | Công ty TNHH Chứng khoán Moris | 34-10 Yeonido-dong, Youngdeung-gu, Seoul, Korea. | Cổ phần phổ thông | 500.000 | 20% |
| | Tổng cộng | | | 2.600.000 | 100% |

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Quản lý quỹ đầu tư

Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

Tư vấn

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Cao minh viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày 01/07/2014 trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

Hội đồng quản trị

Chủ tịch

Ông Nguyễn Hữu Năm

Chủ tịch

Ông Trần Ngọc Tuấn

Thành viên

Ông Nguyễn Hải Trung

Thành viên (Từ nhiệm ngày 1/8/2014)

Ông Nguyễn Đình

Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ : L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008, Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 VND (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam).**

Danh sách cổ đông sáng lập:

| Số TT | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|-------|---|--|-------------------|------------------|-----------|
| 1 | Công ty Tài chính Cổ phần Handico | Tầng 2 Tòa nhà Thăng Long Ford, 105 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội (Nay là Tầng 9,10,11 toà nhà Thăng Long số 98A Nguyễn Như Kon Tum, Thanh Xuân, Hà Nội). | Cổ phần phổ thông | 300.000 | 10% |
| 2 | Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Thăng Long | P112, Tầng 11, Tòa nhà Viglacera, Mễ Trì, Hà Nội. | Cổ phần phổ thông | 2.100.000 | 70% |
| 3 | Công ty TNHH Chứng khoán Meritz | 34-10Yeouido-dong, Youngdeungpo-gu, Seoul, Korea. | Cổ phần phổ thông | 600.000 | 20% |
| | Tổng cộng | | | 3.000.000 | |

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Quản lý quỹ đầu tư;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hồ Nam

Ông Trần Ngọc Tuấn

Ông Nguyễn Hà Trung

Ông Yoon Hugh

Chức vụ

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên (Từ nhiệm ngày 12/03/2014)

Thành viên

3-C.7
TY
HỮU HẠ
ĐỊNH C
NAM
TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: : L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
 phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
 đến 30/06/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)*

| | |
|-------------------------|---------------------------------------|
| Ông Nguyễn Chính Nghĩa | Thành viên (Từ nhiệm ngày 29/06/2014) |
| Ông Nguyễn Thanh Hùng | Thành viên (Bỏ nhiệm ngày 29/06/2014) |
| Ban Giám đốc | Chức vụ |
| Ông Nguyễn Hồ Nam | Tổng giám đốc |
| Ban Kiểm soát | Chức vụ |
| Ông Nguyễn Chính Nghĩa | Trưởng ban (Từ nhiệm ngày 12/03/2014) |
| Ông Đinh Hoài Châu | Trưởng ban (Bỏ nhiệm ngày 12/03/2014) |
| Bà Hoàng Thị Minh Châu | Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 12/03/2014) |
| Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh | Ủy viên (Từ nhiệm ngày 12/03/2014) |
| Ông Min Young Chang | Ủy viên |

Trụ sở chính:

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 6288 5603

Fax : (84-8) 6288 5604

Mã số thuế : 0103020199

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/06/2014.

Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này hay không;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ : L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán đối với Công ty quản lý Quỹ và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG *Mu*



Nguyễn Hồ Nam

Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

Phạm Quang Sơn

Thế Tông Giám đốc

Số giấy CN ĐĂNG KÝ năm 1-05/2013-024/1

Địa chỉ và đại diện: JSC

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hội Đầy Đủ

Kiểm Toán Viên

Số giấy CN ĐĂNG KÝ năm 1-05/2013-024/1



Số: 560 -14/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 6 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 được lập ngày 12 tháng 7 năm 2014 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (gọi tắt là "Công ty") từ trang 06 đến trang 23 kèm theo. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý Quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập bằng sáu (06) bản tiếng Việt và (06) bản tiếng Anh. Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long giữ (05) bản tiếng Việt và (05) bản tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ (01) bản tiếng Việt và (01) bản tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Phạm Hùng Sơn

Phó Tổng Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1

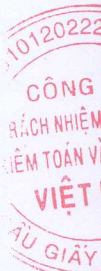
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Đức Hưng

Kiểm toán viên

Số giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1786-2013-034-1



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | MÃ SỐ | TM | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | | 20.364.755.060 | 19.939.049.532 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.01 | 138.598.822 | 370.606.708 |
| 1. Tiền | 111 | | 138.598.822 | 370.606.708 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | V.02 | 17.602.200.633 | 17.602.200.633 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | 17.602.779.807 | 17.602.779.807 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | (579.174) | (579.174) |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.500.955.605 | 1.948.242.191 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | VIII.2.1 | 2.389.406.605 | 1.938.242.191 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | VIII.2.2 | 22.000.000 | - |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ | 134 | V.03 | 89.549.000 | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.04 | - | 10.000.000 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài ngắn hạn khác | 150 | | 123.000.000 | 18.000.000 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | VIII.2.3 | 123.000.000 | 18.000.000 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260) | 200 | | 638.281.206 | 852.323.180 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | - | - |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | V.05 | - | - |
| - Nguyên giá | 222 | | 127.012.499 | 127.012.499 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (127.012.499) | (127.012.499) |
| 3. TSCĐ vô hình | 227 | V.06 | - | - |
| - Nguyên giá | 228 | | 96.081.549 | 96.081.549 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (96.081.549) | (96.081.549) |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| IV. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 638.281.206 | 852.323.180 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.07 | 638.281.206 | 852.323.180 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200) | 270 | | 21.003.036.266 | 20.791.372.712 |

Mẫu số B 01-CTQ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính : VND

| NGUỒN VỐN | MÃ SỐ | THUYẾT MINH | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330) | 300 | | 140.708.577 | 231.946.436 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 140.708.577 | 231.946.436 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.08 | 12.096.913 | 15.499.993 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | - | 159.880.000 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.09 | 60.666.664 | 25.444.443 |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 318 | V.10 | 67.945.000 | 31.122.000 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 20.862.327.689 | 20.559.426.276 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | VII | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (9.137.672.311) | (9.440.573.724) |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400) | 440 | | 21.003.036.266 | 20.791.372.712 |

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc




Trần Thị Thu Hương

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
 phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
 đến 30/06/2014

Mẫu số B 01-CTQ**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

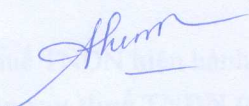
| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | TM | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--|-------|----------|-----------------|-----------------|
| 1. Tài sản cố định thuê ngoài | 001 | | - | - |
| 2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ | 002 | | - | - |
| 3. Tài sản nhận ký cược | 003 | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | 005 | | - | - |
| 6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ | 006 | | - | - |
| 7. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ | 020 | | - | - |
| 8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác | 030 | | - | - |
| 9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác | 040 | VIII.2.4 | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước (VND) | 041 | | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| 9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài (VND) | 042 | | - | - |

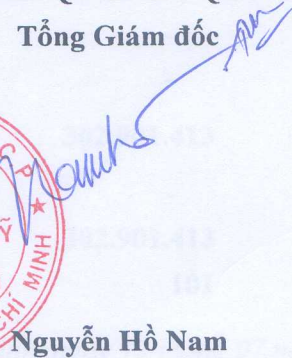
Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc




Trần Thị Thu Hương**Nguyễn Hồ Nam**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông,
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B 02 - CTQ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND

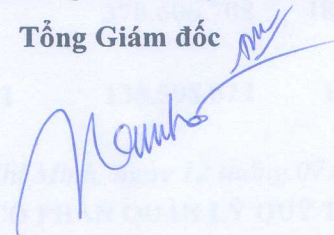
| CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | TM | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|-----------|----------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1. Doanh thu | 01 | VI.11 | 375.000.000 | - |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02) | 10 | | 375.000.000 | - |
| 4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán | 11 | | - | - |
| 5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11) | 20 | | 375.000.000 | - |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.12 | 708.808.115 | 841.896.129 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.13 | 41.029.386 | 2.701.229 |
| 8. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VIII.2.5 | 739.877.316 | 1.000.475.572 |
| 9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25) | 30 | | 302.901.413 | (161.280.672) |
| 10. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 11. Chi phí khác | 32 | | - | - |
| 12. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | | - | - |
| 13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (20=16+19) | 50 | | 302.901.413 | (161.280.672) |
| 14. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.14 | - | - |
| 16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51) | 60 | | 302.901.413 | (161.280.672) |
| 17. Lãi trên cổ phiếu | 70 | VI.15 | 101 | (54) |

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Trần Thị Thu Hương

Nguyễn Hồ Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

t động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Mẫu số B 03 - CTQ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

Đơn vị tính: VND


| STT | CHỈ TIÊU | MÃ SỐ | TM | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|--|-----------|------|------------------------------|------------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | | |
| 1 | Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 520.262.500 | 443.210.000,00 |
| 2. | Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ | 02 | | (6.434.908) | (117.741.994) |
| 3. | Tiền trả cho người lao động | 03 | | (547.406.091) | (848.057.116) |
| 4. | Tiền chi trả lãi vay | 04 | | - | - |
| 5. | Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | | - | - |
| 6. | Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh | 06 | | - | 236.597.593 |
| 7. | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (199.261.588) | (70.926.203) |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (232.840.087) | (356.917.720) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | | |
| 1 | Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | - |
| 3. | Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | (17.000.000.000) |
| 4. | Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 7. | Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 832.201 | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | 832.201 | (17.000.000.000) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | | |
| | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | - | - |
| | Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (232.007.886) | (17.356.917.720) |
| | (50 = 20 + 30 + 40) | | | | |
| | Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 370.606.708 | 18.546.052.058 |
| | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| | Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.01 | 138.598.822 | 1.189.134.338 |
| | (70=50 + 60 + 61) | | | | |

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc


Trần Thị Thu Hương




Nguyễn Hồ Nam

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

| CHỈ TIÊU | TM | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | Số dư cuối năm | | Đơn vị tính: VND |
|---------------------------|--------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------|------------------|
| | | 01/01/2014 | 01/01/2013 | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 | 30/06/2014 | 30/06/2013 | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | - | - | 30.000.000.000 | 30.000.000.000 | |
| Lợi nhuận chưa phân phối | VII.16 | (9.440.573.724) | (10.242.750.482) | 302.901.413 | (161.280.672) | (9.137.672.311) | (10.404.031.154) | |
| Tổng cộng | | 20.559.426.276 | 19.757.249.518 | 302.901.413 | (161.280.672) | 20.862.327.689 | 19.595.968.846 | |

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thu Hương

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Tổng Giám đốc



Nguyễn Hồ Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Thăng Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên giao dịch quốc tế là THANG LONG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là TLC. Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 43/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/11/2008 và Giấy phép điều chỉnh số 31/GPĐC-UBCK ngày 03/10/2013 thì vốn Điều lệ của Công ty là: **30.000.000.000 VND** (Ba mươi tỷ đồng Việt Nam).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý quỹ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý quỹ đầu tư;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh

4. Tổng số nhân viên: 08 người

Trong đó:

| | |
|--------------------|----------|
| Nhân viên quản lý: | 01 người |
| Tuyển dụng mới: | 02 người |
| Chuyển công tác: | 01 người |
| Kỷ luật: | 0 người |

Danh sách nhân viên công ty đã qua kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề:

| | |
|------------------------|--------|
| Ông Nguyễn Thanh Quỳnh | Cán bộ |
| Ông Nguyễn Thanh Tâm | Cán bộ |
| Ông Nguyễn Việt Hưng | Cán bộ |
| Ông Hoàng Tuấn Nam | Cán bộ |
| Ông Nguyễn Hồ Nam | Cán bộ |

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 12/03/2014, Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí thông qua phương án phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông để tăng Vốn điều lệ cho các nhà đầu tư mới. Số lượng cổ phần phát hành là 700.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Theo đó tổng số vốn điều lệ sau khi phát hành là 37.000.000.000 đồng. Ngày 30/06/2014, theo biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/2014/BB-HĐQT và Quyết định số 92/2014/QĐ-HĐQT đã thống nhất lựa chọn nhà đầu tư là Ông Trần Thế Sơn. Tuy nhiên Công ty chưa hoàn thành các thủ tục mua, bán liên quan.

2022
ÔNG
NHIỆM
OẢN V
IỆT
7/ÁY

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01 đến ngày 30/06 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng tiền Việt Nam ("VND"). Hạch toán theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các quy định của Luật kế toán Việt Nam số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 - Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ ban hành theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ tại Việt Nam hiện hành.

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc lập và trình bày BCTC giữa niên độ này.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, và tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo được trình bày là khoản tương đương tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

2.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và phương pháp tính khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

8-C.7
TY
HỮU H
ĐINH C
AM
TP. V

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Thiết bị văn phòng

03

- Máy móc, thiết bị

03

2.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và Thông tư số 45/2013/QĐ - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Tài sản cố định vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Phần mềm máy tính

03

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

3.1. Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tự doanh là các khoản chứng khoán được mua cho mục đích tự doanh và bán lại trong một thời gian ngắn theo Quyết định của Ban Giám đốc.

Chứng khoán tự doanh được kế toán theo dõi và hạch toán theo phương pháp giá gốc.

3.2. Chứng khoán quản lý hộ khách hàng cho hoạt động quản lý danh mục đầu tư

Chứng khoán quản lý hộ khách hàng là hoạt động quản lý danh mục đầu tư là các chứng khoán thuộc sở hữu của khách hàng theo hợp đồng quản lý danh mục đầu tư. Mọi rủi ro và lợi nhuận liên quan đến các chứng khoán này đều thuộc khách hàng. Do vậy chứng khoán này được ghi nhận ngoài bảng Cân đối kế toán.

3.3. Đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam

Đầu tư ngắn hạn theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam được ghi nhận theo giá vốn ban đầu. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thu hồi được khoản đầu tư thấp hơn giá vốn ban đầu.

3.4. Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 89/2013 ngày



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

28/06/2013 của Bộ Tài chính. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư chỉ được trích lập đối với các chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày 30/06/2014.

4. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí dài hạn là chi phí thuê nhà và dụng cụ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh. Chi phí thuê nhà được phân bổ theo thời gian thuê, chi phí công cụ được phân bổ dưới 2 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả bao gồm chi phí thuê nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi phí lưu ký chứng khoán đã phát sinh nhưng chưa có hóa đơn, ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và thời gian phát sinh.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ lũy kế từ hoạt động của doanh nghiệp.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu tài chính của Công ty bao gồm: doanh thu từ chứng khoán ủy thác đầu tư, lãi tiền gửi, lãi từ ủy thác quản lý vốn, doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư.

Doanh thu từ chứng khoán ủy thác đầu tư, Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ lãi tiền gửi ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ ủy thác quản lý vốn ghi nhận trên cơ sở kỳ hạn và lãi suất ghi nhận trên hợp đồng Ủy thác quản lý vốn được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư ghi nhận trên cơ sở phí quản lý được hưởng quy định trên hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lưu ký và chi phí tài chính khác.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

10. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1. Ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hóa đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường
 Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
 đến 30/06/2014

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.1. Ghi nhận các khoản nhận ủy thác đầu tư, giao dịch

Nguyên tắc xác định khoản ủy thác đầu tư, giao dịch dựa theo Hợp đồng, phương án kinh doanh và được khách hàng chuyển tiền hoặc bàn giao quyền giao dịch.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**1. Tiền và tương đương tiền**

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt tại quỹ | 251.309 | 2.247.310 |
| Tiền gửi ngân hàng | 138.347.513 | 368.359.398 |
| Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Trần Duy Hưng | 125.295.933 | 220.996.627 |
| Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Hà Nội | 10.606.093 | 144.968.733 |
| Công ty Chứng khoán Thăng Long | 2.444.487 | 2.393.038 |
| Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Thăng Long | 1.000 | 1.000 |
| Tổng cộng | 138.598.822 | 370.606.708 |

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

| | 30/06/2014 | | 01/01/2014 | |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| | Số lượng (Cổ phiếu) | Giá trị (VND) | Số lượng (Cổ phiếu) | Giá trị (VND) |
| Chứng khoán kinh doanh | | 1.168.696 | | 1.168.696 |
| Cổ phiếu niêm yết | | 1.168.696 | | 1.168.696 |
| Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng | 5 | 415.956 | 5 | 415.956 |
| Công ty FPT | 3 | 206.180 | 3 | 206.180 |
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen | 4 | 142.122 | 4 | 142.122 |
| Công ty vàng bạc Phú Nhuận | 10 | 404.438 | 10 | 404.438 |
| Đầu tư ngắn hạn khác | - | 17.601.611.111 | - | 17.601.031.937 |
| Ủy thác quản lý vốn tại Công ty Tài chính cổ phần Hadinco | - | 17.601.611.111 | - | 17.601.611.111 |
| Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | | (579.174) | - | (579.174) |
| Tổng cộng | | 17.602.200.633 | | 17.602.200.633 |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường
Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

3. Các khoản phải thu hoạt động nghiệp vụ

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------------|-------------------|------------|
| | VND | VND |
| Công ty Tài chính Cổ phần Handico | 89.549.000 | - |
| Tổng cộng | 89.549.000 | - |

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------|------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu người lao động | - | 10.000.000 |
| Tổng cộng | - | 10.000.000 |

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Đơn vị tính: VND | | |
|--|---------------------|-----------------------|-------------|
| | Máy móc thiết bị | Thiết bị văn phòng | Tổng cộng |
| Nguyên giá TSCĐ hữu hình | | | |
| Số dư đầu kỳ | 67.021.800 | 59.990.699 | 127.012.499 |
| Số dư cuối kỳ | 67.021.800 | 59.990.699 | 127.012.499 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu kỳ | 67.021.800 | 59.990.699 | 127.012.499 |
| Số dư cuối kỳ | 67.021.800 | 59.990.699 | 127.012.499 |
| Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình | | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | - | - |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - | - |

*) Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 127.012.499 VND

6. Tăng, giảm TSCĐ vô hình

| Khoản mục | Đơn vị tính: VND | |
|--------------------------------|----------------------|------------|
| | Phần mềm máy tính | Tổng cộng |
| Nguyên giá TSCĐ vô hình | | |
| Số dư đầu kỳ | 96.081.549 | 96.081.549 |
| Số tăng trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 96.081.549 | 96.081.549 |

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

| | | |
|---|--------------------|--------------------|
| Giá trị hao mòn lũy kế | | |
| Số dư đầu kỳ | 96.081.549 | 96.081.549 |
| Khấu hao trong kỳ | - | - |
| Số dư cuối kỳ | 96.081.549 | 96.081.549 |
| Giá trị còn lại | | |
| Tại ngày đầu kỳ | - | - |
| Tại ngày cuối kỳ | - | - |
| <i>- Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 96.081.549 VND</i> | | |
| 7. Chi phí trả trước dài hạn | | |
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuê nhà | 638.281.206 | 851.041.614 |
| Công cụ dụng cụ | - | 1.281.566 |
| Tổng cộng | 638.281.206 | 852.323.180 |
| 8. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | | |
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập cá nhân | 12.096.913 | 15.499.993 |
| Tổng cộng | 12.096.913 | 15.499.993 |
| 9. Chi phí phải trả | | |
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Chi phí thuê nhà | - | 5.000.000 |
| Phí lưu ký chứng khoán | 60.666.664 | 20.444.443 |
| Tổng cộng | 60.666.664 | 25.444.443 |
| 10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | | |
| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
| | VND | VND |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế | 42.945.000 | 31.122.000 |
| Phải trả, phải nộp khác | 25.000.000 | - |
| <i>Nguyễn Hồ Nam</i> | 25.000.000 | - |
| Tổng cộng | 67.945.000 | 31.122.000 |

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

11. Doanh thu hoạt động nghiệp vụ

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán | 375.000.000 | - |
| Tổng cộng | 375.000.000 | - |

12. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 816.201 | 54.116.784 |
| Thu nhập từ hoạt động đầu tư, mua bán chứng khoán | 16.000 | 26.000 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư theo hợp đồng ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam | 707.975.914 | 787.753.345 |
| Tổng cộng | 708.808.115 | 841.896.129 |

13. Chi phí tài chính

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí tài chính khác | 41.029.386 | 2.122.055 |
| Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | - | 579.174 |
| Tổng cộng | 41.029.386 | 2.701.229 |

14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (1) | 1.083.808.115 | 841.896.129 |
| Chi phí kế toán (2) | 780.906.702 | 1.003.176.801 |
| Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp (3) | 381.462.740 | 62.848.500 |
| Chi phí tính thuế thu nhập hiện hành (4) = (2) - (3) | 399.443.962 | 940.328.301 |
| Lợi nhuận chịu thuế TNDN (5) = (1) - (4) | 684.364.153 | (98.432.172) |
| Các khoản lỗ được kết chuyển (6) | (684.364.153) | 98.432.172 |
| Thuế suất thuế TNDN hiện hành (7) | 25% | 25% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thuế thu nhập chịu thuế năm hiện hành (8) = (5+6) x (7) | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường
Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến 30/06/2014

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

*(tiếp theo)***15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 302.901.413 | (161.280.672) |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.000.000 | 3.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 101 | (54) |

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**16 Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu**

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập | 1.083.808.115 | 841.896.129 |
| Chi phí | 780.906.702 | 1.003.176.801 |
| Lãi | 302.901.413 | (161.280.672) |
| Lỗ năm trước chuyển sang | (9.440.573.724) | (10.242.750.482) |
| Cộng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | (9.137.672.311) | (10.404.031.154) |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan****1.1 Giao dịch với các bên liên quan**

| | Quan hệ với | Giao dịch | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|-----------------------------------|-------------|--|---------------------------------|---------------------------------|
| | Công ty | | VND | VND |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | Cổ đông | Nhận Ủy thác quản lý Danh mục đầu tư | 150.000.000.000 | 150.000.000.000 |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | Cổ đông | Ủy thác quản lý vốn bằng đồng Việt Nam | 17.601.611.111 | 17.601.611.111 |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | Cổ đông | Lãi ủy thác Quản lý vốn | 707.975.914 | 204.944.444 |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | Cổ đông | Phí ủy thác quản lý danh mục đầu tư | 375.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Địa chỉ: L14 – 08B, Tầng 14, Trung tâm Vincom, 72 Lê Thánh Tông, phường
 Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 6288 5603 Fax: (84-8) 6288 5604

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
 đến 30/06/2014

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

1.2 Số dư các bên liên quan

| | Quan hệ với | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|-------------------------------------|-------------|----------------------|----------------------|
| | Công ty | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | | 2.389.406.605 | 1.916.242.191 |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | Cổ đông | 2.389.406.605 | 1.916.242.191 |
| Phải thu hoạt động nghiệp vụ | | 89.549.000 | - |
| Công ty Tài chính Cổ phần Handico | Cổ đông | 89.549.000 | - |

2. Những thông tin khác**2.1 Phải thu của khách hàng**

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Truyền Thông Icon | - | 22.000.000 |
| Công ty Tài chính cổ phần Handico | 2.389.406.605 | 1.916.242.191 |
| Tổng cộng | 2.389.406.605 | 1.938.242.191 |

2.2 Trả trước cho người bán

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--------------------------------|-------------------|------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Truyền Thông Icon | 22.000.000 | - |
| Tổng cộng | 22.000.000 | - |

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

| | 30/06/2014 | 01/01/2014 |
|--|--------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tạm ứng | 105.000.000 | - |
| Trần Thị Kiều Tiên | 105.000.000 | - |
| Cầm cố, ký cược ký quỹ ngắn hạn | 18.000.000 | 18.000.000 |
| Tổng cộng | 123.000.000 | 18.000.000 |

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2.4 Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

| | 30/06/2014 | | 01/01/2014 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Số lượng (Cổ phiếu) | Giá trị (VND) | Số lượng (Cổ phiếu) | Giá trị (VND) |
| Đầu tư của Công ty Tài chính cổ phần Handico (i) | 5.205.259 | 150.000.000.000 | 5.205.259 | 150.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 9 Hà Nội | 1.690.214 | 100.000.000.000 | 1.690.214 | 100.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Đô thị Hòa Bình | 2.950.000 | 42.500.000.000 | 2.950.000 | 42.500.000.000 |
| Công ty Cổ phần nhựa Việt Nam | 100.000 | 1.619.440.000 | 100.000 | 1.619.440.000 |
| Công ty Cổ phần thiết bị điện | 154.105 | 2.556.740.000 | 154.105 | 2.556.740.000 |
| Công ty Cổ phần chứng khoán MB | 150.940 | 452.820.000 | 150.940 | 452.820.000 |
| Công ty Cổ phần bao bì HP Nhơn Trạch | 90.000 | 1.611.000.000 | 90.000 | 1.611.000.000 |
| Công ty Cổ phần Investco | 70.000 | 1.260.000.000 | 70.000 | 1.260.000.000 |
| Tổng cộng | | 150.000.000.000 | | 150.000.000.000 |

(i) Hợp đồng số 01.15122011/QLDMĐT?HAFIC_TLC được ký giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thăng Long với Công ty Tài Chính cổ phần Handico ngày 15/12/2011 về ủy thác đầu tư và Phụ lục số 01 ngày 16/12/2013 thời hạn ủy thác đầu tư 1 năm đến 16/12/2014.

2.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 | Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 |
|---------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên quản lý | 416.121.011 | 721.925.000 |
| Thuế, phí và lệ phí | 3.000.000 | 6.825.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 246.933.973 | 263.725.572 |
| Chi phí khác bằng tiền | 73.822.332 | 8.000.000 |
| Tổng cộng | 739.877.316 | 1.000.475.572 |

Mẫu số B09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến 30/06/2014

(tiếp theo)

2.6 Số liệu so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm 2013 được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 30/06/2013 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 07 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THĂNG LONG

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thu Hương



Nguyễn Hồ Nam

